TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **29**/2021/HN-ST
Ngày: 13/01/2021
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Trung Trực**
+ Bà **Dương Hiền Huệ**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Đỗ Thanh Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.***

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 477/2020/TLST-HN ngày 6/10/2020 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2020/QĐST-HN ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Cẩm A –** sinh năm: 1966 (có mặt)

Trú tại: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Phạm Thái B -** sinh năm 1960 (vắng mặt)

Trú tại: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm A trình bày: chị và ông B sống chung năm 1984, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 1989. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị khuyên nhiều lần nhưng anh B vẫn không về với gia đình, vợ con. Vợ chồng ly thân từ năm 1994 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: có hai cháu tên Phạm Thành C, sinh năm 1984 và Phạm Thị Hồng D, sinh năm 1989, hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn anh Phạm Thái B vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị Cẩm A và anh Phạm Thái B sống chung năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 1989. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B và anh B cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Phạm Thái B cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn anh Phạm Thái B mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Cẩm A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tình cảm: chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B. Nguyên nhân ly hôn chị A trình bày là anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị khuyên nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi, vẫn không về với gia đình, vợ con. Chị và anh B đã ly thân từ năm 1994 đến nay. Anh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị A, điều này chứng tỏ anh không thiết tha gì đến tình cảm vợ chồng cũng như hạnh phúc gia đình, hơn nữa trong thời gian ly thân từ năm 1994 đến nay, anh B chị A không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau, điều này chứng tỏ giữa anh chị trong cuộc sống đã có mâu thuẫn xảy ra. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh B chị A không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị A yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ.

[5] Về con chung: có hai con chung tên Phạm Thành C, sinh năm 1984 và Phạm Thị Hồng D, sinh năm 1989, hiện nay Thành C và Hồng D đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: chị A phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

<u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Cẩm A.

[1] Về tình cảm: chị Lê Thị Cẩm A được ly hôn với anh Phạm Thái B.

[2] Về con chung: có hai con chung tên Phạm Thành C, sinh năm 1984 và Phạm Thị Hồng D, sinh năm 1989 hiện nay đã trưởng thành.

[3] Về án phí: chị Lê Thị Cẩm A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004158 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong án phí.

Chị Lê Thị Cẩm A có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với anh Phạm Thái B thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

(Đã ký)

Phan Thị Cẩm Tiên